

Thế nào là chuyển giao nghĩa vụ? Chuyển giao nghĩa vụ có cần sự đồng ý của bên có quyền không? Hình thức chuyển giao nghĩa vụ dân sự; Chuyển giao nghĩa vụ có biện pháp bảo đảm; So sánh chuyển giao quyền yêu cầu với chuyển giao nghĩa vụ

1. Thế nào là chuyển giao nghĩa vụ?

Điều 274 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Nghĩa vụ là việc mà theo đó, một hoặc nhiều chủ thể (sau đây gọi chung là bên có nghĩa vụ) phải chuyển giao vật, chuyển giao quyền, trả tiền hoặc giấy tờ có giá, thực hiện công việc hoặc không được thực hiện công việc nhất định vì lợi ích của một hoặc nhiều chủ thể khác (sau đây gọi chung là bên có quyền)”.

Chuyển giao nghĩa vụ được hiểu là sự thỏa thuận giữa bên có nghĩa vụ với người thứ ba theo đó bên có nghĩa vụ sẽ chuyển giao nghĩa vụ đó cho người thứ ba. Khi nghĩa vụ được chuyển giao thì bên nhận chuyển giao nghĩa vụ được gọi là người thế nghĩa vụ. Quan hệ nghĩa vụ giữa người có nghĩa vụ với người có quyền chấm dứt và phát sinh một quan hệ nghĩa vụ mới giữa người thế nghĩa vụ với người có quyền và người thế nghĩa vụ sẽ phải thực hiện nghĩa vụ với người có quyền.

Trong chuyển giao nghĩa vụ dân sự thì người có nghĩa vụ không tự mình thực hiện nghĩa vụ đã giao kết mà chuyển giao cho người khác (người thế nghĩa vụ) thực hiện nghĩa vụ giữa mình với bên mang quyền với điều kiện có sự đồng ý của chủ thể đó.

Như vậy, về bản chất, sự chuyển giao nghĩa vụ dân sự là sự chuyển dịch nghĩa vụ pháp lý từ chủ thể chuyển sang chủ thể nhận. Chủ thể nhận nghĩa vụ chính là người thứ ba thay thế người có nghĩa vụ trước và trở thành bên có nghĩa vụ.

2. Chuyển giao nghĩa vụ có cần sự đồng ý của bên có quyền không?

Cùng với việc ghi nhận về việc chuyển giao quyền, Bộ luật dân sự 2015 cũng quy định về việc chuyển giao nghĩa vụ.

Theo Điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Điều 370. Chuyển giao nghĩa vụ

1. Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ.

2. Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ.

Khác với chuyển giao quyền yêu cầu không cần có sự đồng ý của người có nghĩa vụ thì trong chuyển giao nghĩa vụ pháp luật quy định cần phải có sự đồng ý của bên có quyền. Quy định này là phù hợp và cần thiết bởi lẽ nếu trong chuyển giao quyền yêu cầu thì với ai bên có nghĩa vụ cũng phải thực hiện nghĩa vụ thì trong chuyển giao nghĩa vụ bên có quyền lại cần phải được biết về khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên thế nghĩa vụ. Nếu bên thế nghĩa vụ không có khả năng thực hiện nghĩa vụ thì quyền lợi của bên có quyền sẽ bị ảnh hưởng.

Ví dụ: A vay B 100 triệu đồng. Do C đang nợ A một khoản tiền bằng với số tiền A vay của B nên A muốn chuyển nghĩa vụ trả nợ sang cho C. A đã thỏa thuận với C về việc chuyển giao nghĩa vụ và được B đồng ý. Sau khi thỏa thuận có hiệu lực, phát sinh quan hệ nghĩa vụ giữa C và B. Lúc này C là người thế nghĩa vụ.

Pháp luật hiện hành còn có những quy định cho chuyển giao nghĩa vụ dân sự mà không có sự thỏa thuận hay ưng thuận nêu trên. Cụ thể, theo quy định của Bộ luật Dân sự, khi cá nhân chết, nghĩa vụ về tài sản của cá nhân không đương nhiên chấm dứt và vấn đề xác định người thế nghĩa vụ được đặt ra.

Điều 614 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*”. Như vậy, khi những người thừa kế nhận di sản thừa kế thì phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản mà người chết để lại. Việc chuyển giao nghĩa vụ trong trường hợp này không cần có sự ưng thuận của những người liên quan.

Tương tự với chuyển giao quyền yêu cầu, có những trường hợp luật không cho phép chuyển giao đó là những nghĩa vụ gắn với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc trong trường hợp cụ thể pháp luật quy định không được chuyển giao như nghĩa vụ cấp dưỡng, nghĩa vụ thực hiện công việc trong hợp đồng dịch vụ hoặc nghĩa vụ do các bên thỏa thuận không được chuyển giao.

Theo Điều 107 có quy định:

Điều 107. Nghĩa vụ cấp dưỡng

1. Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con; giữa anh, chị, em với nhau; giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu; giữa cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột; giữa vợ và chồng theo quy định của Luật này.

Nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác.

3. Hình thức chuyển giao nghĩa vụ dân sự

Bộ luật Dân sự năm 2015 không quy định về hình thức chuyển giao nghĩa vụ.

Tuy nhiên, nhằm tránh những nguy cơ có thể dẫn đến những rủi ro liên quan đến quyền lợi của các bên trong chuyển giao nghĩa vụ dân sự, những nội dung chuyển giao và cách thức, trình tự chuyển giao nên được trình bày đầy đủ trong văn bản thỏa thuận giữa các bên.

Những trường hợp mà nội dung hoặc đối tượng của nghĩa vụ chuyển giao có tính chất phức tạp, dễ xảy ra tranh chấp hay đối tượng của nghĩa vụ là những tài sản do Nhà nước quản lý, kiểm soát thì việc chuyển giao nghĩa vụ cần phải được thể hiện bằng văn bản, có công chứng hoặc chứng thực, đăng ký hoặc phải xin phép.

4. Chuyển giao nghĩa vụ có biện pháp bảo đảm

Theo Điều 371 Bộ luật dân sự 2015 thì:

Điều 371. Chuyển giao nghĩa vụ có biện pháp bảo đảm

Trường hợp nghĩa vụ có biện pháp bảo đảm được chuyển giao thì biện pháp bảo đảm đó chấm dứt, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Biện pháp bảo đảm được hiểu là biện pháp do các bên thỏa thuận hoặc pháp luật quy định mà theo đó bên bảo đảm dùng tài sản hoặc công việc mình có khả năng thực hiện được để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ dân sự.

Tương tự như chuyển giao quyền, có những trường hợp nghĩa vụ chuyển giao cũng có biện pháp bảo đảm đi kèm như cầm cố, thế chấp, bảo lãnh hoặc đặt cọc... Tuy nhiên, khác với việc chuyển giao quyền, khi chuyển giao nghĩa vụ thì biện pháp bảo đảm đương nhiên chấm dứt nếu các bên không có thỏa thuận khác. Có sự khác biệt này bởi lẽ đối tượng của các biện pháp bảo đảm thường là tài sản thuộc sở hữu của bên có nghĩa vụ (bên bảo đảm) nên khi nghĩa vụ được chuyển giao thì tài sản bảo đảm không còn thuộc sở hữu của bên bảo đảm nữa. Do đó, nếu không có sự đồng ý của chủ sở hữu tài sản thì sẽ không xử lý được tài sản bảo đảm khi bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ. Hơn nữa, khác với chuyển giao quyền thì chuyển giao nghĩa vụ đã được sự đồng ý của bên có quyền nên trong trường hợp này bên có quyền đã dự liệu được khả năng đáp ứng đối với quyền yêu cầu của mình và có thể dự liệu trước được những rủi ro có thể xảy ra.

Trong trường hợp các bên có thỏa thuận thì biện pháp bảo đảm có thể được chuyển giao.

Trường hợp này, tính chất của các biện pháp bảo đảm cũng có thể được thay đổi từ cầm cố, thế chấp... sang bảo lãnh. Và lúc này thỏa thuận chuyển giao thường được thực hiện giữa bên có quyền với bên có nghĩa vụ hoặc cả ba bên chứ không phải là thỏa thuận giữa bên có nghĩa vụ với bên thế nghĩa vụ.

5. So sánh chuyển giao quyền yêu cầu với chuyển giao nghĩa vụ

Chuyển giao quyền yêu cầu được quy định tại Điều 365 Bộ luật dân sự 2015:

Điều 365. Chuyển giao quyền yêu cầu

1. Bên có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ có thể chuyển giao quyền yêu cầu đó cho người thế quyền theo thỏa thuận, trừ trường hợp sau đây:

a) Quyền yêu cầu cấp dưỡng, yêu cầu bồi thường thiệt hại do xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín;

b) Bên có quyền và bên có nghĩa vụ có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định về việc không được chuyển giao quyền yêu cầu.

2. Khi bên có quyền yêu cầu chuyển giao quyền yêu cầu cho người thế quyền thì người thế quyền trở thành bên có quyền yêu cầu. Việc chuyển giao quyền yêu cầu không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ.

Người chuyển giao quyền yêu cầu phải thông báo bằng văn bản cho bên có nghĩa vụ biết về việc chuyển giao quyền yêu cầu, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trường hợp bên chuyển giao quyền yêu cầu không thông báo về việc chuyển giao quyền mà phát sinh chi phí cho bên có nghĩa vụ thì bên chuyển giao quyền yêu cầu phải thanh toán chi phí này.

Điều 370 Bộ luật dân sự 2015 quy định về chuyển giao nghĩa vụ:

Điều 370. Chuyển giao nghĩa vụ

1. Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ.

2. Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ.

* Giống nhau:

– Điều phải thông báo cho bên có nghĩa vụ/bên có quyền nếu chuyển giao quyền/chuyển giao nghĩa vụ.

– Không được chuyển giao trong trường hợp hai bên đã thỏa thuận không chuyển giao hoặc pháp luật có quy định về việc không được chuyển giao, như nghĩa vụ gắn liền với nhân thân, quyền yêu cầu cấp dưỡng, bồi thường do xâm phạm tới tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín.

– Hậu quả pháp lý là làm chấm dứt tư cách chủ thể của người chuyển giao quyền/nghĩa vụ, làm phát sinh tư cách chủ thể, quyền và nghĩa vụ dân sự ở người được chuyển giao.

– Sau khi chuyển giao quyền/nghĩa vụ, bên có quyền/nghĩa vụ ban đầu chấm dứt toàn bộ quan hệ nghĩa vụ với bên có nghĩa vụ/quyền.

* Khác nhau:

– Định nghĩa:

+ Chuyển giao quyền yêu cầu là sự thỏa thuận giữa bên có quyền với bên thứ ba (bên thế quyền) nhằm chuyển giao quyền yêu cầu cho bên thứ ba đó. Bên thế quyền là chủ thể mới, có quyền yêu cầu bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ của họ đối với mình.

+ Chuyển giao nghĩa vụ là sự thỏa thuận giữa bên có nghĩa vụ với người thứ ba (người thế nghĩa vụ) trên cơ sở đồng ý của bên mang quyền, theo đó người thế nghĩa vụ sẽ trở thành bên có nghĩa vụ mới, thực hiện nghĩa vụ trước bên mang quyền.

– Trách nhiệm của bên chuyển giao:

+ Người chuyển giao quyền có nghĩa vụ đối với người thế quyền: người chuyển giao quyền yêu cầu vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin và chuyển giao giấy tờ có liên quan cho người thế quyền mà gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại.

Người chuyển giao quyền yêu cầu không phải chịu trách nhiệm về khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ nên việc chuyển giao quyền không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ (khoản 2 Điều 365 Bộ luật dân sự 2015).

+ Người đã chuyển giao nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm về khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình đối với bên có quyền nên để bảo vệ lợi ích của bên có quyền, việc chuyển giao nghĩa vụ phải được sự đồng ý của bên có quyền (khoản 1 Điều 370 Bộ luật dân sự 2015).

– Phạm vi chuyển giao:

+ Đối với chuyển quyền yêu cầu có các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thì việc chuyển giao quyền yêu cầu bao gồm cả các biện pháp bảo đảm đó.

+ Đối với chuyển giao nghĩa vụ có biện pháp bảo đảm thì biện pháp bảo đảm sẽ đương nhiên chấm dứt, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Các câu hỏi thường gặp Câu hỏi: Có được phép chuyển giao nghĩa vụ cấp dưỡng cho con không?

Trả lời:

Theo Điều 370 Bộ luật dân sự 2015:

Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ.

Như vậy, nghĩa vụ cấp dưỡng không được phép chuyển giao.

Câu hỏi: Thế nào là nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật?

Trả lời:

“Nghĩa vụ là việc mà theo đó, một hoặc nhiều chủ thể (sau đây gọi chung là bên có nghĩa vụ) phải chuyển giao vật, chuyển giao quyền, trả tiền hoặc giấy tờ có giá, thực hiện công việc hoặc không được thực hiện công việc nhất định vì lợi ích của một hoặc nhiều chủ thể khác (sau đây gọi chung là bên có quyền)”

Điều 274 Bộ luật dân sự 2015

Câu hỏi: Chuyển giao nghĩa vụ trả nợ có biện pháp đảm bảo là thế chấp nhà ở?

Trả lời:

Theo Điều 317 Bộ luật dân sự 2015:

Trường hợp nghĩa vụ có biện pháp bảo đảm được chuyển giao thì biện pháp bảo đảm đó chấm dứt, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Như vậy, khi chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho người khác thì biện pháp thế chấp sẽ chấm dứt.

The post [Chuyển giao nghĩa vụ là gì? Chuyển giao nghĩa vụ khác gì so với chuyển giao quyền yêu cầu?](#) appeared first on [WEBDOITHUONG](#).

Nguồn: WEBDOITHUONG <https://webdoithuong.com/chuyen-giao-nghia-vu-la-gi/>